
ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 01 trang)

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 1: (3.0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{4}{5} - \frac{1}{2} + \frac{-2}{3}$

b) $\frac{-9}{7} + \frac{6}{11} \times \frac{11}{-7}$

c) $\frac{-5}{24} \cdot \frac{7}{12} + \frac{7}{12} \cdot \frac{-19}{24}$

Câu 2: (2.5 điểm) Tìm x, biết:

a) $x - \frac{3}{4} = \frac{-1}{8}$

b) $\left(x - \frac{3}{5}\right) : \frac{-2}{5} = -\frac{1}{7}$

Câu 3: (1.5 điểm)

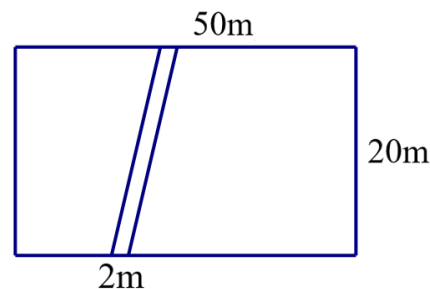
Lớp 6.1 của trường THCS A có 50 học sinh. Trong đó, số học sinh thích bơi lội chiếm $\frac{3}{10}$ số học sinh cả lớp, số học sinh thích cầu lông chiếm $\frac{2}{5}$ số học sinh cả lớp, số học sinh thích bóng đá chiếm $\frac{1}{2}$ số học sinh cả lớp. Tính số học sinh thích bơi lội, cầu lông, bóng đá của lớp 6.1.

Câu 4: (2.5 điểm)

Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 50m, chiều rộng 20m.

a) Tính chu vi và diện tích khu vườn.

b) Trong khu vườn người ta làm một lối đi hình bình hành rộng 2m (hình vẽ bên). Tính diện tích phần mảnh vườn không tính lối đi.



Câu 5: (0,5 điểm) Tính tổng $A = \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{99.100}$

-----HẾT-----

ĐỀ CHÍNH THỨC
ĐÁP ÁN

Câu 1. (3 điểm) Thực hiện các phép tính:

a) $\frac{4}{5} - \frac{1}{2} + \frac{-2}{3}$ $= \frac{24}{30} - \frac{15}{30} + \frac{-20}{30}$ $= \frac{-11}{30}$	1đ
b) $\frac{-9}{7} + \frac{6}{11} \times \frac{11}{-7}$ $= \frac{-9}{7} + \frac{6}{-7}$ $= \frac{-9}{7} + \frac{-6}{7}$ $= \frac{-15}{7}$	1đ
c) $\frac{-5}{24} \cdot \frac{7}{12} + \frac{7}{12} \cdot \frac{-19}{24}$ $= \frac{7}{12} \left(\frac{-5}{24} + \frac{-19}{24} \right)$ $= \frac{7}{12} \cdot (-1) = \frac{-7}{12}$	1đ

Câu 2 (2,5 điểm) Tìm x biết:

a) $x - \frac{3}{4} = \frac{-1}{8}$ $x = \frac{-1}{8} + \frac{3}{4}$ $x = \frac{-1}{8} + \frac{6}{8}$ $x = \frac{5}{8}$	1 đ
--	-----

$b) \left(x - \frac{3}{5} \right) : \frac{-2}{5} = -\frac{1}{7}$ $x - \frac{3}{5} = -\frac{1}{7} \cdot \frac{-2}{5}$ $x - \frac{3}{5} = \frac{2}{35}$ $x = \frac{2}{35} + \frac{3}{5} = \frac{2}{35} + \frac{21}{35} = \frac{23}{35}$	1.5 đ
--	-------

Câu 3 (1.5 điểm)

Lớp 6.1 của trường THCS A có 50 học sinh. Trong đó, số học sinh thích bơi lội chiếm $\frac{3}{10}$ số học sinh cả lớp, số học sinh thích cầu lông chiếm $\frac{2}{5}$ số học sinh cả lớp, số học sinh thích bóng đá chiếm $\frac{1}{2}$ số học sinh cả lớp. Tính số học sinh thích bơi lội, cầu lông, bóng đá.	
Số học sinh thích bơi lội là: $\frac{3}{10} \cdot 50 = 15$ học sinh	0,5 đ
Số học sinh thích chơi cầu lông là: $\frac{2}{5} \cdot 50 = 20$ học sinh	0,5 đ
Số học sinh thích chơi bóng đá là: $\frac{1}{2} \cdot 50 = 25$ học sinh.	0,5 đ

Câu 4 (3 điểm)

a) Chu vi khu vườn: $(50 + 20) \cdot 2 = 140$ m Diện tích khu vườn: $50 \cdot 20 = 1000$ m² b) Diện tích lối đi hình bình hành: $2 \cdot 20 = 40$ m² Diện tích mảnh vườn không tính lối đi là: $1000 - 40 = 960$ m²	0,75 đ 0,75 đ 0,5 đ 0,5 đ
Câu 5 $A = \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{99.100}$ $= \frac{1}{1} - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{99} - \frac{1}{100} = \frac{1}{1} - \frac{1}{100} = \frac{99}{100}$	0,5 đ

-----HẾT-----